

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025 - KHÓA 58**

(Kèm theo QĐ số 487 /QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 4 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
1	22D100006	Chữ Ngọc	Anh	K58A5	A	15	8.93	4.00	86		Giỏi
2	22D100258	Dương Thị	Quỳnh	K58A6	A	18	8.91	3.94	85		Giỏi
3	22D100226	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K58A5	A	20	8.90	4.00	86		Giỏi
4	22D100220	Nguyễn Thị Cao	Nhân	K58A5	A	18	8.89	3.86	82		Giỏi
5	22D100196	Nguyễn Ngọc	Minh	K58A5	A	21	8.87	3.86	84		Giỏi
6	22D100207	Nguyễn Thu	Ngân	K58A5	A	18	8.87	3.89	100		Giỏi
7	22D100303	Vũ Thị	Tiến	K58A5	A	16	8.84	3.94	100		Giỏi
8	22D100023	Nguyễn Thị Lan	Anh	K58A1	A	20	8.75	3.85	86		Giỏi
9	22D100041	Lê Nguyễn Minh	Châu	K58A3	A	18	8.72	3.78	87		Giỏi
10	22D100086	Nguyễn Trung	Định	K58A2	A	18	8.71	3.75	85		Giỏi
11	22D100011	Hoàng Thị Vân	Anh	K58A1	A	20	8.70	4.00	86		Giỏi
12	22D100230	Trần Thị Cẩm	Nhung	K58A3	A	18	8.69	3.81	85		Giỏi
13	22D100188	Đoàn Thị Hồng	Mai	K58A5	A	18	8.69	3.78	82		Khá
14	22D100113	Trần Thu	Hiền	K58A4	A	18	8.68	3.83	85		Khá
15	22D100236	Vi Thị	Oanh	K58A3	A	18	8.67	3.75	90		Khá
16	22D100285	Đàm Thị	Thêm	K58A4	A	18	8.67	3.89	85		Khá
17	22D100205	Trần Thị Tú	Nga	K58A3	A	20	8.66	3.93	94		Khá
18	22D100182	Bùi Đức	Long	K58A6	A	21	8.66	3.83	90		Khá
19	22D100324	Nguyễn Thị Thanh	Vân	K58A4	A	18	8.64	3.75	82		Khá
20	22D100250	Vũ Thị Thu	Phương	K58A4	A	18	8.64	3.75	84		Khá
21	22D100289	Nguyễn Hoàng Anh	Thơ	K58A5	A	18	8.63	3.78	87		Khá
22	22D100309	Trần Thị	Trang	K58A2	A	20	8.62	3.80	85		Khá
23	22D100060	Mai Trọng	Duy	K58A2	A	21	8.59	3.83	100		Khá
24	22D100159	Nguyễn Thị	Lan	K58A4	A	18	8.59	3.83	87		Khá
25	22D100172	Nguyễn Thị Mai	Linh	K58A5	A	18	8.57	3.78	87		Khá
26	22D100065	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K58A4	A	18	8.56	3.78	96		Khá
27	22D100173	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K58A6	A	18	8.56	3.78	86		Khá
28	22D100214	Phạm Hồng	Ngọc	K58A6	A	21	8.55	3.62	83		Khá
29	22D100120	Đỗ Mai	Hoa	K58A3	A	21	8.54	3.64	100		Khá
30	22D100202	Phạm Vũ	Nam	K58A2	A	20	8.53	3.63	87		Khá
31	22D108030	Nguyễn Thị	Hoài	K58AA1	AA	16	8.71	3.84	90		Giỏi
32	22D108006	Nguyễn Ngọc	Anh	K58AA1	AA	16	8.68	3.78	85		Giỏi
33	22D108007	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	K58AA2	AA	16	8.63	3.72	100		Giỏi
34	22D108075	Nguyễn Thị Thảo	Vy	K58AA1	AA	16	8.44	3.59	93		Khá
35	22D108011	Trần Thị Vân	Anh	K58AA1	AA	16	8.42	3.72	85		Khá
36	22D108055	Phạm Kim	Ngân	K58AA2	AA	16	8.36	3.69	85		Khá
37	22D109026	Bùi Khánh	Linh	K58AS1	AS	16	8.49	3.63	85		Giỏi
38	22D109025	Trần Thị Kim	Liên	K58AS1	AS	16	8.43	3.72	85		Giỏi
39	22D109028	Nguyễn Tuệ	Linh	K58AS1	AS	19	8.42	3.66	91		Khá
40	22D109031	Thái Thị Thùy	Linh	K58AS1	AS	18	8.28	3.58	76		Khá
41	22D109032	Trương Thị	Linh	K58AS1	AS	16	8.19	3.44	79		Khá
42	22D112105	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K58B4KN	BKN	12	8.83	4.00	90		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
43	22D112022	Đoàn Minh	Ánh	K58B3KN	BKN	12	8.70	3.83	91		Giỏi
44	22D112116	Thành Ngọc	Mai	K58B2KN	BKN	12	8.63	3.83	82		Giỏi
45	22D112126	Phạm Kim	Ngân	K58B1KN	BKN	12	8.58	3.83	92		Giỏi
46	22D112072	Nguyễn Thu	Hằng	K58B3KN	BKN	12	8.54	3.83	84		Giỏi
47	22D112037	Trương Linh	Chi	K58B4KN	BKN	12	8.45	3.63	90		Giỏi
48	22D112109	Hoàng Bích	Loan	K58B4KN	BKN	12	8.43	3.83	90		Giỏi
49	22D112023	Đỗ Ngọc	Ánh	K58B4KN	BKN	12	8.42	3.71	80		Khá
50	22D112196	Cao Thanh	Trúc	K58B3KN	BKN	12	8.40	3.71	91		Khá
51	22D112134	Trần Thanh	Nhàn	K58B4KN	BKN	12	8.38	3.75	84		Khá
52	22D112087	Vũ Thị	Huyền	K58B2KN	BKN	12	8.36	3.71	83		Khá
53	22D112133	Ngô Thị	Nguyệt	K58B3KN	BKN	12	8.35	3.67	90		Khá
54	22D112202	Trần Thị Khánh	Vy	K58B2KN	BKN	12	8.29	3.63	93		Khá
55	22D112180	Nguyễn Thủy	Tiên	K58B1KN	BKN	12	8.25	3.58	95		Khá
56	22D112106	Phạm An	Linh	K58B1KN	BKN	12	8.23	3.38	81		Khá
57	22D112104	Nguyễn Thị	Linh	K58B3KN	BKN	12	8.23	3.50	83		Khá
58	22D112052	Nguyễn Thủy	Dương	K58B3KN	BKN	12	8.20	3.46	90		Khá
59	22D252146	Nguyễn Thị Bích	Phượng	K58B1LN	BLN	13	9.15	4.00	85		Giỏi
60	22D252167	Vũ Thị	Thủy	K58B4LN	BLN	13	8.89	4.00	83		Giỏi
61	22D252039	Lê Mạnh	Dũng	K58B1LN	BLN	13	8.89	4.00	92		Giỏi
62	22D252065	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K58B2LN	BLN	13	8.87	3.88	87		Giỏi
63	22D252121	Hoàng Thị Ánh	Ngọc	K58B4LN	BLN	13	8.85	3.81	90	Có	Giỏi
64	22D252180	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K58B1LN	BLN	13	8.85	3.77	88		Giỏi
65	22D252077	Bùi Thị Diệu	Linh	K58B2LN	BLN	13	8.84	4.00	90		Giỏi
66	22D252185	Đào Quốc	Trường	K58B1LN	BLN	13	8.81	3.81	81		Khá
67	22D252188	Nguyễn Thị	Tuyết	K58B2LN	BLN	13	8.71	3.85	85		Khá
68	22D252028	Nguyễn Quỳnh	Chi	K58B2LN	BLN	13	8.60	3.69	83		Khá
69	22D252020	Trần Trung	Bảo	K58B2LN	BLN	13	8.59	3.81	88		Khá
70	22D252084	Phạm Thùy	Linh	K58B1LN	BLN	13	8.58	3.69	86		Khá
71	22D252094	Trịnh Kim	Ly	K58B4LN	BLN	13	8.55	3.73	80		Khá
72	22D252134	Hoàng Kiều	Oanh	K58B1LN	BLN	13	8.53	3.73	84		Khá
73	22D252071	Lê Đỗ Ngọc	Khuê	K58B4LN	BLN	13	8.52	3.81	90		Khá
74	22D252166	Vương Thị Minh	Thu	K58B3LN	BLN	13	8.50	3.65	90		Khá
75	22D120015	Phạm Mai Thùy	Anh	K58C3	C	15	8.95	4.00	93		Giỏi
76	22D120040	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	K58C4	C	15	8.95	3.80	90		Giỏi
77	22D120150	Bùi Thị Hồng	Ngát	K58C4	C	17	8.94	3.88	90		Giỏi
78	22D120088	Nguyễn Ngọc	Huyền	K58C1	C	17	8.89	3.94	84		Giỏi
79	21D120262	Trần Thị Bích	Ngọc	K58C4	C	22	8.81	3.95	90		Giỏi
80	22D120203	Lê Thị Quỳnh	Trang	K58C4	C	15	8.73	3.87	90		Giỏi
81	22D120134	Vũ Thị	Mịn	K58C3	C	17	8.72	3.82	82		Giỏi
82	22D120120	Tổng Khánh	Linh	K58C1	C	17	8.59	3.74	90		Giỏi
83	22D120041	Trần Thị Ngọc	Diệp	K58C1	C	15	8.59	3.67	85		Khá
84	22D120079	Lại Thị	Huệ	K58C4	C	17	8.59	3.65	82		Khá
85	22D120132	Trần Ngọc	Minh	K58C3	C	20	8.58	3.70	85		Khá
86	22D120045	Nguyễn Hà	Dung	K58C3	C	15	8.57	3.73	90		Khá
87	22D120138	Lê Trà	My	K58C3	C	17	8.57	3.76	84		Khá
88	22D120078	Ngô Thị	Hòa	K58C1	C	17	8.56	3.65	82	Có	Khá
89	22D120164	Phan Thị	Nhung	K58C4	C	17	8.55	3.68	84		Khá
90	22D120135	Bùi Thị	Mơ	K58C4	C	20	8.54	3.73	82		Khá
91	22D120002	Nguyễn Hoàng	An	K58C2	C	20	8.53	3.65	90		Khá
92	22D120179	Vũ Như	Quỳnh	K58C2	C	15	8.50	3.80	83		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
93	22D120126	Phan Thị	Lộc	K58C1	C	20	8.49	3.80	85		Khá
94	22D120113	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K58C3	C	17	8.49	3.68	81		Khá
95	22D120147	Đỗ Linh	Nga	K58C1	C	20	8.47	3.73	90		Khá
96	22D121105	Dương Hoài Anh	Thư	K58CD2	CD	18	9.12	4.00	97		Xuất sắc
97	22D121070	Trương Phương	Linh	K58CD2	CD	24	8.93	4.00	97		Giỏi
98	22D121052	Lương Văn	Khá	K58CD2	CD	18	8.87	3.94	100		Giỏi
99	22D121002	Dương Việt	Anh	K58CD2	CD	18	8.78	3.92	81		Giỏi
100	22D121087	Dương Thị Bích	Nhuồng	K58CD1	CD	18	8.68	3.83	90		Khá
101	22D121008	Trần Thị Ngọc	Anh	K58CD2	CD	17	8.64	3.82	84		Khá
102	22D121019	Cao Kỳ	Duyên	K58CD1	CD	22	8.63	3.84	81		Khá
103	22D121116	Nguyễn Thị Hải	Yến	K58CD2	CD	20	8.57	3.75	90		Khá
104	22D121099	Đỗ Phương	Thảo	K58CD2	CD	18	8.56	3.86	82		Khá
105	22D121102	Lê Thị Thanh	Thủy	K58CD1	CD	15	8.52	3.73	84		Khá
106	22D121050	Trần Thị	Hương	K58CD1	CD	18	8.46	3.67	83		Khá
107	22D220035	Thái Thị Ngọc	Diệp	K58T2	T	18	8.84	3.94	90		Giỏi
108	22D220124	Vì Thị Khánh	Linh	K58T1	T	18	8.71	3.83	90		Giỏi
109	22D220194	Vũ Thanh	Thảo	K58T4	T	21	8.67	3.74	84		Giỏi
110	22D220121	Nguyễn Thùy	Linh	K58T2	T	18	8.64	3.75	82		Giỏi
111	22D220234	Nguyễn Hải	Yến	K58T2	T	21	8.59	3.83	90		Giỏi
112	22D220097	Lưu Thị	Lan	K58T3	T	21	8.59	3.81	82		Giỏi
113	22D220231	Nguyễn Bảo	Vy	K58T4	T	18	8.59	3.81	90		Giỏi
114	22D220185	Nguyễn Phương	Thanh	K58T4	T	18	8.58	3.83	85		Giỏi
115	22D220002	Trần Ngân	An	K58T4	T	18	8.56	3.81	80		Khá
116	22D220232	Vũ Thế	Xương	K58T3	T	18	8.54	3.72	83		Khá
117	22D220154	Mai Yến	Nhi	K58T4	T	18	8.53	3.81	92		Khá
118	22D220227	Vũ Thị Thảo	Vân	K58T4	T	18	8.51	3.78	80		Khá
119	22D220237	Trần Thị Hải	Yến	K58T1	T	21	8.50	3.67	90	Có	Khá
120	22D220199	Đỗ Thị	Thêu	K58T3	T	21	8.50	3.64	93		Khá
121	22D220135	Lê Thị Hồng	Minh	K58T3	T	15	8.50	3.63	83		Khá
122	22D220176	Hồ Tú	Quyên	K58T4	T	18	8.49	3.69	90		Khá
123	22D220008	Dương Tú	Anh	K58T1	T	21	8.45	3.71	90		Khá
124	22D220106	Hồ Thị	Linh	K58T3	T	21	8.43	3.60	92		Khá
125	22D220089	Đỗ Thị	Hương	K58T4	T	21	8.43	3.52	80		Khá
126	22D220152	Nguyễn Thanh	Nhàn	K58T2	T	21	8.42	3.64	82	Có	Khá
127	22D220229	Phan Thị Thảo	Vi	K58T2	T	21	8.41	3.71	96		Khá
128	22D220123	Trần Thị Thùy	Linh	K58T4	T	15	8.41	3.60	82		Khá
129	22D220007	Bùi Thị Vân	Anh	K58T4	T	18	8.41	3.61	86		Khá
130	22D150005	Bùi Thị Phương	Anh	K58D3	D	20	8.84	3.80	90		Giỏi
131	22D150013	Phạm Thị Quỳnh	Anh	K58D1	D	16	8.73	3.84	86		Giỏi
132	22D150070	Bùi Quang	Huy	K58D2	D	19	8.73	3.84	82		Giỏi
133	22D150058	Bùi Vũ Như	Hằng	K58D1	D	19	8.72	3.79	81		Giỏi
134	22D150095	Mai Khánh	Linh	K58D2	D	16	8.69	3.84	97		Giỏi
135	22D150130	Nguyễn Thị	Như	K58D3	D	19	8.63	3.84	87		Giỏi
136	22D150147	Trần Thị	Thu	K58D3	D	17	8.61	3.79	85		Giỏi
137	22D150033	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	K58D3	D	17	8.47	3.65	81		Khá
138	22D150051	Bàng Thanh	Hà	K58D2	D	17	8.46	3.68	82	Có	Khá
139	22D150158	Đặng Thùy	Trang	K58D2	D	19	8.44	3.63	84		Khá
140	22D150039	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K58D2	D	16	8.44	3.69	86		Khá
141	22D150167	Trương Thị Huyền	Trang	K58D2	D	18	8.43	3.58	81		Khá
142	22D150135	Trần Thị Hương	Sen	K58D2	D	19	8.43	3.66	91		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
143	22D150027	Bùi Thị Mai	Chi	K58D2	D	19	8.43	3.71	91		Khá
144	22D150041	Nguyễn Thuý	Dương	K58D1	D	19	8.39	3.58	91		Khá
145	22D150153	Quách Thị Thanh	Thúy	K58D3	D	22	8.39	3.68	90		Khá
146	22D150126	Trần Thảo	Nguyên	K58D2	D	22	8.35	3.66	86		Khá
147	22D270012	Phạm Thị Ngọc	Ánh	K58DC2	DC	21	8.62	3.74	91		Giỏi
148	22D270053	Trần Mai	Ngân	K58DC1	DC	18	8.61	3.69	87		Giỏi
149	22D270001	Nguyễn Thị	An	K58DC1	DC	21	8.60	3.76	88		Giỏi
150	22D270046	Thân Khánh	Ly	K58DC1	DC	21	8.57	3.81	82		Giỏi
151	22D270077	Vũ Thanh	Thảo	K58DC1	DC	19	8.51	3.79	91		Khá
152	22D270099	Nguyễn Thị Nguyệt	Yến	K58DC1	DC	19	8.48	3.74	85		Khá
153	22D270062	Phan Thị	Phượng	K58DC2	DC	18	8.44	3.67	94		Khá
154	22D270092	Phùng Thị Thu	Trang	K58DC2	DC	19	8.43	3.71	83		Khá
155	22D270009	Trần Thị Quỳnh	Anh	K58DC1	DC	19	8.39	3.74	79		Khá
156	22D155031	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K58DD1	DD	17	8.77	3.82	85		Giỏi
157	22D155063	Nguyễn Thị Phương	Thoa	K58DD1	DD	17	8.76	3.88	83		Giỏi
158	22D155019	Vũ Thị Hương	Giang	K58DD1	DD	17	8.74	3.71	82		Giỏi
159	22D155040	Nguyễn Thị	Linh	K58DD2	DD	17	8.72	3.74	90		Khá
160	22D155071	Trần Thu	Trang	K58DD1	DD	17	8.66	3.71	93		Khá
161	22D155064	Lê Thị Thanh	Thúy	K58DD2	DD	17	8.66	3.76	85		Khá
162	22D151003	Phạm Vũ Hồng	Anh	K58DI1	DI	16	8.81	3.84	92		Giỏi
163	22D151004	Nguyễn Thị Linh	Chi	K58DI1	DI	16	8.73	3.94	90		Khá
164	22D290111	Nguyễn Thùy	Trang	K58DK1	DK	15	9.13	3.93	92		Xuất sắc
165	22D290036	Nguyễn Minh	Hà	K58DK2	DK	20	9.06	3.95	93		Giỏi
166	22D290100	Trần Thị	Thảo	K58DK2	DK	20	8.95	3.95	83		Giỏi
167	22D290104	Nguyễn Đức	Thắng	K58DK1	DK	17	8.92	3.94	97		Giỏi
168	22D290083	Vũ Thị Hồng	Nhung	K58DK2	DK	21	8.90	3.88	84		Khá
169	22D290119	Phạm Khánh	Vi	K58DK2	DK	17	8.85	3.94	84		Khá
170	22D290018	Vũ Văn	Cảnh	K58DK2	DK	17	8.79	3.76	97		Khá
171	22D290015	Hoàng Gia	Bảo	K58DK2	DK	15	8.77	3.93	77		Khá
172	22D290014	Nguyễn Thị Minh	Ánh	K58DK2	DK	15	8.75	3.83	81		Khá
173	22D290020	Trịnh Yến	Chi	K58DK1	DK	18	8.74	3.92	82		Khá
174	22D290105	Phạm Nguyễn Quyết	Thắng	K58DK2	DK	15	8.73	3.83	87		Khá
175	22D130112	Trần Văn	Khánh	K58E1	E	16	9.01	3.94	95		Xuất sắc
176	22D130191	Vũ Phương	Thảo	K58E4	E	17	8.99	4.00	86		Giỏi
177	22D130090	Nguyễn Thị	Huệ	K58E3	E	15	8.88	4.00	81		Giỏi
178	22D130113	Đoàn Thị Hồng	Kiều	K58E3	E	16	8.87	3.88	93		Giỏi
179	22D130012	Nguyễn Văn	Anh	K58E4	E	16	8.84	4.00	90		Giỏi
180	22D130008	Ngô Thị Vân	Anh	K58E4	E	18	8.79	3.83	93		Giỏi
181	22D130064	Lê Hương	Giang	K58E4	E	16	8.78	4.00	85		Giỏi
182	22D130009	Nguyễn Đức Phương	Anh	K58E2	E	18	8.78	3.94	84		Giỏi
183	22D130204	Phan Văn	Tiếp	K58E1	E	16	8.76	3.81	100		Khá
184	22D130032	Trịnh Thị Kim	Chúc	K58E1	E	19	8.73	3.82	80		Khá
185	22D130126	Nguyễn Thị Diệu	Linh	K58E3	E	16	8.73	3.88	93		Khá
186	22D130190	Trần Thị Thanh	Thảo	K58E3	E	17	8.72	3.82	87		Khá
187	22D130150	Phạm Duy	Nam	K58E4	E	16	8.71	3.94	90		Khá
188	22D130195	Nguyễn Thị	Thu	K58E4	E	19	8.70	3.87	86		Khá
189	22D130070	Nguyễn Thị Thu	Hà	K58E2	E	18	8.69	3.81	86	Có	Khá
190	22D130183	Lê Thị Phương	Thảo	K58E4	E	17	8.68	3.88	92		Khá
191	22D130033	Hoàng Tiến	Cường	K58E1	E	16	8.68	3.75	95		Khá
192	22D130133	Hoàng Thị	Loan	K58E2	E	16	8.68	3.81	84		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
193	22D130194	Hoàng Thị Huyền	Thu	K58E3	E	17	8.68	3.85	92		Khá
194	22D130085	Phạm Thị	Hoài	K58E3	E	15	8.66	3.73	85	Có	Khá
195	22D130058	Nguyễn Văn	Được	K58E1	E	16	8.61	3.66	99		Khá
196	22D130071	Phạm Thị Thanh	Hà	K58E3	E	16	8.61	3.75	83		Khá
197	22D260046	Nguyễn Khánh	Hòa	K58EK2	EK	19	9.03	3.92	87		Giỏi
198	22D260129	Khổng Thị Đan	Vi	K58EK3	EK	19	8.87	4.00	82		Giỏi
199	22D260077	Đinh Hoài	Nam	K58EK1	EK	16	8.86	3.78	90		Giỏi
200	22D260118	Đinh Xuân	Toàn	K58EK2	EK	20	8.84	4.00	93		Giỏi
201	22D260064	Kiều Thị Thảo	Linh	K58EK1	EK	16	8.82	3.91	86		Giỏi
202	22D260123	Tạ Ngọc Vân	Trinh	K58EK3	EK	19	8.81	4.00	84		Khá
203	22D260090	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K58EK1	EK	20	8.78	3.93	88		Khá
204	22D260119	Nguyễn Thị Kiều	Trang	K58EK2	EK	20	8.78	3.85	86		Khá
205	22D260132	Nguyễn Thị Thảo	Vy	K58EK3	EK	17	8.78	3.85	85		Khá
206	22D260086	Mai Hà Quỳnh	Nhi	K58EK3	EK	19	8.72	3.82	81		Khá
207	22D260105	Phạm Lê Phương	Thảo	K58EK3	EK	21	8.70	3.74	97		Khá
208	22D260034	Ngô Thị Thu	Hà	K58EK2	EK	18	8.68	3.81	90		Khá
209	22D300143	Phạm Minh	Thư	K58LQ2	LQ	20	9.01	3.85	85		Giỏi
210	22D300096	Luyện Trà	My	K58LQ2	LQ	17	8.89	3.82	87		Giỏi
211	22D300089	Nguyễn Thị	Linh	K58LQ2	LQ	17	8.81	3.85	94		Giỏi
212	22D300116	Đỗ Thị Minh	Phương	K58LQ2	LQ	20	8.81	3.90	95		Giỏi
213	22D300036	Hoàng Thạch Minh	Dũng	K58LQ3	LQ	23	8.79	3.87	86		Giỏi
214	22D300059	Khuất Thị	Hoa	K58LQ2	LQ	17	8.78	3.88	87		Khá
215	22D300108	Tổng Thảo	Nhi	K58LQ1	LQ	17	8.76	3.82	82		Khá
216	22D300058	Đoàn Ngọc	Hiếu	K58LQ2	LQ	17	8.65	3.59	80		Khá
217	22D300025	Lê Minh	Châu	K58LQ3	LQ	17	8.64	3.71	84		Khá
218	22D300123	Nguyễn Thu	Quỳnh	K58LQ1	LQ	17	8.60	3.74	83		Khá
219	22D300038	Phan Thùy	Dương	K58LQ1	LQ	20	8.60	3.78	80		Khá
220	22D300103	Nguyễn Văn	Ngọc	K58LQ1	LQ	15	8.59	3.70	82		Khá
221	22D300061	Đỗ Duy	Hoàng	K58LQ2	LQ	17	8.58	3.56	91		Khá
222	22D300090	Nguyễn Thị Hải	Linh	K58LQ3	LQ	20	8.55	3.73	93		Khá
223	22D300105	Trần Thị	Nhài	K58LQ1	LQ	17	8.54	3.65	88		Khá
224	22D160084	Đào Thu	Hiền	K58F5	F	16	9.03	3.81	88		Giỏi
225	22D160224	Hoàng Thị Phương	Thảo	K58F3	F	18	8.68	3.69	92		Giỏi
226	22D160018	Nguyễn Văn	Anh	K58F1	F	18	8.66	3.75	90		Giỏi
227	22D160122	Nguyễn Thị Thu	Hường	K58F2	F	21	8.61	3.69	90		Giỏi
228	22D160258	Uông Thị	Trà	K58F1	F	16	8.59	3.72	99		Giỏi
229	22D160027	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K58F2	F	20	8.59	3.63	86		Giỏi
230	22D160132	Phạm Thị Ngọc	Liên	K58F2	F	15	8.57	3.77	94		Giỏi
231	22D160014	Nguyễn Thị Lan	Anh	K58F3	F	15	8.57	3.87	80		Giỏi
232	22D160169	Hoàng Thị Trà	My	K58F4	F	20	8.54	3.80	88		Giỏi
233	22D160121	Vũ Thị Thu	Hương	K58F1	F	20	8.49	3.75	83		Khá
234	22D160144	Nguyễn Thị Phương	Linh	K58F3	F	19	8.49	3.79	88		Khá
235	22D160135	Đỗ Thùy	Linh	K58F5	F	18	8.48	3.67	83		Khá
236	22D160028	Vương Thị Ngọc	Ánh	K58F5	F	18	8.47	3.61	76		Khá
237	22D160241	Trần Thị	Thu	K58F4	F	18	8.45	3.58	81		Khá
238	22D160076	Hoàng Thị	Hạnh	K58F5	F	20	8.45	3.70	90		Khá
239	22D160263	Nguyễn Quang	Trường	K58F4	F	21	8.44	3.67	84		Khá
240	22D160042	Hà Thị Vân	Dung	K58F1	F	20	8.42	3.58	88		Khá
241	22D160061	Nguyễn Hải	Đặng	K58F5	F	18	8.41	3.72	99		Khá
242	22D160119	Nguyễn Thị Thu	Hương	K58F4	F	20	8.40	3.53	88		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
243	22D160229	Trần Phương	Thảo	K58F3	F	17	8.37	3.62	93		Khá
244	22D160252	Trần Thị	Trang	K58F5	F	18	8.34	3.61	90		Khá
245	22D160175	Lê Thị	Ngân	K58F3	F	16	8.33	3.41	93		Khá
246	22D160054	Lê Bạch	Dương	K58F5	F	18	8.33	3.58	94		Khá
247	22D160226	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K58F5	F	18	8.31	3.47	88		Khá
248	22D160187	Đỗ Yến	Nhi	K58F5	F	18	8.29	3.56	93		Khá
249	22D180170	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	K58H5	H	19	8.91	3.79	95		Giỏi
250	22D180117	Trần Đức	Kiên	K58H4	H	17	8.76	3.82	85		Giỏi
251	22D180197	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	K58H3	H	17	8.71	3.82	82		Giỏi
252	22D180156	Nguyễn Hoài	Minh	K58H2	H	17	8.62	3.71	90		Giỏi
253	22D180020	Trần Thị Vân	Anh	K58H2	H	20	8.60	3.75	93		Giỏi
254	22D180163	Nguyễn Trà	My	K58H1	H	17	8.59	3.82	98		Giỏi
255	22D180087	Hoàng Thị	Hồng	K58H3	H	17	8.59	3.76	80		Giỏi
256	22D180097	Lê Thị Thương	Huyền	K58H4	H	19	8.59	3.71	100		Giỏi
257	22D180015	Nguyễn Thị Kim	Anh	K58H4	H	17	8.58	3.65	84		Giỏi
258	22D180104	Vũ Minh	Huyền	K58H4	H	16	8.54	3.75	77		Khá
259	22D180231	Phạm Thị Quỳnh	Trang	K58H5	H	19	8.54	3.71	100		Khá
260	22D180032	Đinh Thị Như	Bình	K58H1	H	19	8.52	3.66	80		Khá
261	22D180215	Võ Thị Phương	Thảo	K58H3	H	20	8.52	3.73	83		Khá
262	22D180189	Trần Thị Thanh	Phuong	K58H2	H	17	8.51	3.65	81		Khá
263	22D180085	Lê Thị Minh	Hòa	K58H4	H	19	8.48	3.74	90		Khá
264	22D180100	Nguyễn Việt	Huyền	K58H5	H	19	8.48	3.66	80		Khá
265	22D180200	Trần Thúy	Quỳnh	K58H1	H	20	8.47	3.65	91	Có	Khá
266	22D180180	Nguyễn Hồng	Nhung	K58H5	H	19	8.47	3.63	80		Khá
267	22D180254	Bùi Vũ Thảo	Vy	K58H4	H	17	8.46	3.59	90		Khá
268	22D180093	An Nguyễn Khánh	Huyền	K58H4	H	19	8.46	3.74	80		Khá
269	22D180122	Bùi Mỹ	Lệ	K58H5	H	17	8.46	3.68	82		Khá
270	22D180135	Phan Thị Mỹ	Linh	K58H1	H	17	8.45	3.56	80		Khá
271	22D180248	Nguyễn Thị Hồng	Vân	K58H2	H	19	8.41	3.58	80		Khá
272	22D180079	Dương Minh	Hiếu	K58H2	H	19	8.41	3.63	80		Khá
273	22D280038	Trịnh Hà	Mai	K58HC1	HC	16	8.61	3.69	77		Khá
274	22D280016	Ngô Thị Hồng	Hạnh	K58HC1	HC	17	8.41	3.59	81		Giỏi
275	22D280053	Nguyễn Thị	Thu	K58HC1	HC	16	8.23	3.44	74		Khá
276	22D280057	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K58HC1	HC	16	8.20	3.44	74		Khá
277	22D280055	Trịnh Thị Hồng	Thúy	K58HC1	HC	16	8.11	3.44	80		Giỏi
278	22D280028	Trần Thị	Kiều	K58HC1	HC	15	8.08	3.47	83		Giỏi
279	22D185005	Phạm Đỗ Việt	Anh	K58HH2	HH	16	8.91	3.78	100		Giỏi
280	22D185028	Vũ Khánh	Huyền	K58HH2	HH	16	8.90	3.75	80		Giỏi
281	22D185038	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	K58HH1	HH	16	8.76	3.75	85	Có	Giỏi
282	22D185030	Nguyễn Thị Thu	Hường	K58HH2	HH	16	8.73	3.75	95		Khá
283	22D185002	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	K58HH2	HH	16	8.72	3.81	80		Khá
284	22D185066	Nguyễn Vi Thủy	Tiên	K58HH2	HH	16	8.66	3.69	80		Khá
285	22D140121	Phạm Thị	Linh	K58I1	I	18	9.16	3.94	93		Xuất sắc
286	22D140197	Lê Diệu	Thúy	K58I2	I	18	9.16	4.00	90		Xuất sắc
287	22D140037	Chu Thị Bích	Chi	K58I5	I	17	9.15	4.00	90	Có	Giỏi
288	22D140105	Nguyễn Hương	Lan	K58I5	I	18	9.15	3.89	87		Giỏi
289	22D140025	Nguyễn Thị	Bảo	K58I3	I	15	9.11	4.00	95		Giỏi
290	22D140029	Nguyễn Hồng	Băng	K58I4	I	17	9.11	4.00	87		Giỏi
291	22D140010	Nguyễn Ngọc	Anh	K58I1	I	15	9.04	3.83	87		Giỏi
292	22D140235	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	K58I5	I	15	8.94	3.93	86		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
293	22D140155	Hoàng Yến	Như	K58I2	I	19	8.94	3.87	84		Khá
294	22D140196	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	K58I1	I	19	8.92	3.95	97		Khá
295	22D140033	Nguyễn Thị Hồng	Châu	K58I5	I	18	8.92	3.89	86		Khá
296	22D140193	Nguyễn Văn	Thịnh	K58I1	I	18	8.91	3.86	87		Khá
297	22D140188	Nguyễn Hương	Thảo	K58I2	I	18	8.88	3.81	96		Khá
298	22D140228	Tô Thị Tú	Uyên	K58I5	I	18	8.86	3.94	100		Khá
299	22D140024	Trần Thị Ngọc	Ánh	K58I2	I	18	8.83	3.72	83		Khá
300	22D140108	Trần Thị Thu	Liều	K58I3	I	18	8.81	3.75	100		Khá
301	22D140012	Nguyễn Phương	Anh	K58I4	I	18	8.81	3.81	93		Khá
302	22D140062	Dương Thị Thanh	Giang	K58I3	I	21	8.80	3.83	80		Khá
303	22D140019	Tạ Văn	Anh	K58I1	I	15	8.79	3.73	83		Khá
304	22D140134	Đỗ Phương	Minh	K58I5	I	17	8.79	3.71	86		Khá
305	22D140048	Trần Thị Minh	Diệp	K58I2	I	18	8.76	3.72	86		Khá
306	22D140154	Vũ Cẩm	Nhung	K58I1	I	18	8.76	3.78	83		Khá
307	22D190033	Nguyễn Thành	Đạt	K58S1	S	17	8.86	4.00	86		Giỏi
308	22D190063	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K58S3	S	16	8.76	3.84	88		Giỏi
309	22D190101	Lưu Vũ Nhật	Minh	K58S4	S	16	8.76	3.88	86		Giỏi
310	22D190009	Đỗ Ngọc	Ánh	K58S2	S	16	8.73	3.88	86		Giỏi
311	22D190094	Vũ Thị Diệu	Ly	K58S3	S	16	8.63	3.69	90		Giỏi
312	22D190039	Trần Thị Hà	Giang	K58S3	S	17	8.63	3.76	100		Giỏi
313	22D190152	Đinh Công	Thương	K58S1	S	17	8.62	3.91	100		Giỏi
314	22D190085	Lương Trúc	Linh	K58S3	S	17	8.62	3.82	96		Khá
315	22D190058	Hoàng Thị	Hồng	K58S4	S	21	8.62	3.83	85	Có	Khá
316	22D190161	Đặng Thu	Trang	K58S4	S	16	8.61	3.78	86		Khá
317	22D190170	Ngô Thị Thanh	Trúc	K58S4	S	16	8.59	3.75	85		Khá
318	22D190185	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	K58S1	S	16	8.56	3.81	82		Khá
319	22D190134	Tăng Thị	Quyên	K58S2	S	19	8.55	3.74	85		Khá
320	22D190180	Nguyễn Xuân	Việt	K58S4	S	18	8.51	3.69	100		Khá
321	22D190077	Nguyễn Triệu Gia	Khánh	K58S4	S	16	8.51	3.75	97		Khá
322	22D190088	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K58S2	S	17	8.50	3.68	98		Khá
323	22D190186	Lê Thị	Yến	K58S2	S	15	8.48	3.70	80		Khá
324	22D190123	Đào Thị Yến	Nhi	K58S4	S	18	8.46	3.72	87		Khá
325	22D192050	Trần Thị	Ly	K58SN1	SN	18	8.83	3.83	84		Giỏi
326	22D192045	Nguyễn Diệu	Linh	K58SN2	SN	18	8.61	3.61	100		Giỏi
327	22D192020	Trần Ngọc	Dũng	K58SN2	SN	18	8.58	3.69	83		Giỏi
328	22D192064	Lê Mai	Phuong	K58SN2	SN	18	8.56	3.67	100		Khá
329	22D192077	Bùi Thị	Thủy	K58SN1	SN	18	8.55	3.72	86		Khá
330	22D192073	Trần Mạnh	Thắng	K58SN1	SN	18	8.55	3.61	86		Khá
331	22D192022	Phạm Hương	Giang	K58SN1	SN	18	8.53	3.69	84		Khá
332	22D192040	Đào Thu	Hường	K58SN1	SN	18	8.51	3.64	97		Khá
333	22D170264	Đào Thị Khánh	Vinh	K58N2	N	19	9.08	3.89	80		Giỏi
334	22D170204	Nguyễn Minh	Quân	K58N3	N	20	8.97	3.95	90		Giỏi
335	22D170245	Đỗ Thu	Trang	K58N1	N	19	8.90	4.00	90		Giỏi
336	22D170225	Nguyễn Văn	Thắng	K58N2	N	19	8.85	3.89	90		Giỏi
337	22D170230	Trần Thị Thanh	Thủy	K58N3	N	20	8.84	3.88	93		Giỏi
338	22D170156	Phạm Thị Thu	Ngân	K58N3	N	17	8.84	3.94	80		Giỏi
339	22D170224	Nguyễn Đức	Thắng	K58N1	N	19	8.83	4.00	90		Giỏi
340	22D170144	Hoàng Hải	Nam	K58N1	N	17	8.81	4.00	75		Khá
341	22D170249	Nguyễn Thị Kim	Trang	K58N5	N	19	8.80	3.89	86		Giỏi
342	22D170061	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	K58N3	N	20	8.79	3.90	86		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
343	22D170134	Nguyễn Hồng	Mai	K58N2	N	19	8.78	3.95	81		Khá
344	22D170033	Lương Quỳnh	Dương	K58N1	N	19	8.77	3.89	92		Khá
345	22D170252	Trương Thu	Trang	K58N3	N	19	8.77	3.92	84		Khá
346	22D170117	Phạm Thị Phương	Linh	K58N3	N	19	8.77	3.89	77		Khá
347	22D170084	Ngô Thu	Huyền	K58N1	N	19	8.76	3.79	80		Khá
348	22D170164	Nguyễn Thị	Ngọc	K58N5	N	19	8.73	3.79	78		Khá
349	22D170150	Vũ Thị Quỳnh	Nga	K58N2	N	19	8.72	3.84	80		Khá
350	22D170115	Phạm Thị Hà	Linh	K58N1	N	17	8.71	3.82	78		Khá
351	22D170005	Nguyễn Hải	Anh	K58N4	N	19	8.71	3.84	89		Khá
352	22D170239	Trần Thị Thủy	Tiên	K58N2	N	19	8.70	3.76	80		Khá
353	22D170246	Lê Trần Quỳnh	Trang	K58N2	N	19	8.70	3.89	80		Khá
354	22D170067	Đỗ Trung	Hiếu	K58N1	N	19	8.69	3.89	83		Khá
355	22D170046	Nguyễn Hương	Giang	K58N3	N	19	8.66	3.84	80		Khá
356	22D170159	Đỗ Thị Bích	Ngọc	K58N5	N	19	8.66	3.71	93		Khá
357	22D200076	Bùi Xuân	Mai	K58P2	P	16	8.90	4.00	90		Giỏi
358	22D200001	Đỗ Thị Thu	An	K58P1	P	18	8.87	4.00	92		Giỏi
359	22D200022	Trần Hữu	Chiến	K58P2	P	16	8.73	3.84	94		Giỏi
360	22D200010	Dương Thị	Ánh	K58P2	P	18	8.73	3.94	92		Giỏi
361	22D200033	Phạm Vũ Hương	Giang	K58P2	P	19	8.54	3.71	88		Khá
362	22D200116	Phạm Thị Ngọc	Trang	K58P1	P	20	8.50	3.65	96		Khá
363	22D200075	Nguyễn Bích	Loan	K58P1	P	21	8.46	3.69	84		Khá
364	22D200099	Hoàng Anh	Quân	K58P1	P	15	8.43	3.67	87		Khá
365	22D200094	Nguyễn Thu	Phuong	K58P2	P	16	8.43	3.75	92		Khá
366	22D200122	Lê Thị Khánh	Vân	K58P1	P	19	8.41	3.74	83		Khá
367	22D200110	Lương Thị Kim	Thoa	K58P1	P	21	8.40	3.67	90		Khá
368	22D201023	Đặng Ánh	Tuyết	K58PQ1	PQ	15	8.70	3.87	87		Giỏi
369	22D201020	Lưu Phương	Thảo	K58PQ1	PQ	15	8.65	3.77	97		Khá
370	22D105049	Nguyễn Thị Ánh	Thảo	K58Q1	Q	21	9.00	3.90	90		Giỏi
371	22D105041	Nguyễn Thị	Phuong	K58Q1	Q	16	8.66	3.72	87		Khá
372	22D105017	Nguyễn Thị Hương	Giang	K58Q1	Q	21	8.64	3.81	94		Khá
373	22D105029	Phan Ngọc	Linh	K58Q1	Q	16	8.58	3.69	91		Khá
374	22D105008	Nguyễn Đỗ Ngọc	Ánh	K58Q1	Q	17	8.57	3.65	86		Khá
375	22D107239	Nguyễn Thị Hải	Yến	K58QT3	QT	16	9.02	4.00	95		Xuất sắc
376	22D107032	Ngô Minh	Chi	K58QT2	QT	16	8.98	3.94	100		Giỏi
377	22D107171	Phạm Thị Như	Quỳnh	K58QT1	QT	16	8.93	4.00	84		Giỏi
378	22D107096	Dương Thị Hồng	Linh	K58QT2	QT	17	8.81	3.88	88		Giỏi
379	22D107182	Khuất Thị Phương	Thảo	K58QT2	QT	16	8.78	3.88	87		Giỏi
380	22D107218	Cao Khánh	Trà	K58QT2	QT	18	8.76	3.89	87		Giỏi
381	22D107018	Trần Thị Phương	Anh	K58QT1	QT	16	8.71	3.88	97		Giỏi
382	22D107040	Đỗ Vĩnh	Chính	K58QT2	QT	19	8.71	3.95	86		Giỏi
383	22D107188	Đồng Thị	Thoan	K58QT4	QT	16	8.70	3.88	91		Khá
384	22D107050	Đinh Thành	Đạt	K58QT2	QT	16	8.69	3.94	90	Có	Khá
385	22D107066	Nguyễn Thị	Hiền	K58QT1	QT	16	8.68	3.94	88		Khá
386	22D107147	Bùi Thị Thanh	Nhân	K58QT4	QT	16	8.68	3.69	84		Khá
387	22D107212	Nguyễn Thu	Trang	K58QT4	QT	19	8.67	3.84	84		Khá
388	22D107237	Huỳnh Thị Hải	Yến	K58QT1	QT	16	8.63	3.78	87		Khá
389	22D107172	Tào Ngọc	Quỳnh	K58QT2	QT	16	8.63	3.88	100		Khá
390	22D107191	Đỗ Thị	Thùy	K58QT3	QT	16	8.62	3.72	85		Khá
391	22D107236	Bùi Thị Hải	Yến	K58QT4	QT	15	8.59	3.73	89		Khá
392	22D107013	Nông Thị Vân	Anh	K58QT2	QT	19	8.57	3.71	93	Có	Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
393	22D107146	Hoàng Thị	Nhài	K58QT3	QT	16	8.57	3.75	86	Có	Khá
394	22D107238	Nguyễn Thị	Yến	K58QT2	QT	18	8.56	3.72	85		Khá
395	22D107164	Trần Thùy	Phương	K58QT3	QT	19	8.55	3.82	82	Có	Khá
396	22D107128	Dịch Cảnh Hoàng	Nam	K58QT2	QT	21	8.53	3.74	87		Khá
397	22D210003	Bùi Diệu	Anh	K58U4	U	18	8.94	4.00	82		Giỏi
398	22D210167	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K58U2	U	16	8.90	3.94	87		Giỏi
399	22D210185	Ngô Thị Kim	Phượng	K58U2	U	16	8.89	3.91	87		Giỏi
400	22D210079	Đặng Minh	Hằng	K58U4	U	17	8.88	3.88	92		Giỏi
401	22D210192	Trần Thị Như	Quỳnh	K58U2	U	19	8.86	3.95	90		Giỏi
402	22D210204	Hoàng Văn	Thái	K58U4	U	16	8.84	3.88	90		Giỏi
403	22D210171	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	K58U1	U	16	8.80	3.84	88		Giỏi
404	22D210155	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	K58U1	U	18	8.78	3.89	88		Giỏi
405	22D210214	Dương Thu	Thủy	K58U1	U	16	8.77	4.00	96		Giỏi
406	22D210137	Đặng Khánh	Ly	K58U2	U	16	8.76	3.94	89		Khá
407	22D210129	Phan Thảo	Linh	K58U4	U	18	8.73	4.00	87		Khá
408	22D210004	Bùi Thị Việt	Anh	K58U1	U	18	8.71	3.86	93		Khá
409	22D210187	Trần Đăng	Quang	K58U1	U	16	8.64	3.84	86		Khá
410	22D210034	Nguyễn Ngọc	Ánh	K58U4	U	18	8.64	3.92	86		Khá
411	22D210230	Nguyễn Thu	Trang	K58U1	U	18	8.63	3.86	89		Khá
412	22D210006	Hà Kiều	Anh	K58U4	U	20	8.63	3.80	100		Khá
413	22D210064	Nguyễn Hương	Giang	K58U5	U	21	8.63	3.95	86		Khá
414	22D210149	Lê Thị Trà	My	K58U1	U	15	8.61	3.77	95		Khá
415	22D210148	Đào Thị Trà	My	K58U5	U	19	8.59	3.82	78		Khá
416	22D210091	Chu Thị	Hoa	K58U5	U	23	8.58	3.85	78		Khá
417	22D210174	Hồ Thị	Phú	K58U3	U	20	8.57	3.85	90		Khá
418	22D210076	Nguyễn Thị	Hạ	K58U5	U	22	8.57	3.89	83		Khá
419	22D210095	Bùi Thị	Hoài	K58U5	U	22	8.57	3.86	89		Khá
420	22D211021	Tô Lan	Hương	K58UU1	UU	18	8.53	3.81	83		Giỏi
421	22D211031	Phạm Tiến	Quốc	K58UU1	UU	18	8.48	3.75	89		Khá
422	22D211026	Trần Bảo	Ngọc	K58UU1	UU	18	8.46	3.75	89		Khá
423	22D211040	Phạm Hà	Trang	K58UU1	UU	18	8.46	3.86	85		Khá

(Danh sách gồm 423 sinh viên)